TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2022/DS-PT
Ngày: 16-6-2022
V/v tranh chấp: "*Thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thanh Triều**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đoàn Quốc Nam** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 9 và 16 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp *"Thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 263/2021/QĐPT-DS ngày 27 tháng 09 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: 152, Đ, phường 9, TP. M, Tiền Giang

Hiện ngụ: 782, ấp T, xã T, TP. M, Tiền Giang (khối cơ quan cảnh sát điều tra)

* *Bị đơn*: **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1963 (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

1/ Nguyễn Thị A1, sinh năm 1939 (vắng mặt)

2/ Phạm Thị O, sinh năm 1965 (vắng mặt)

3/ Nguyễn Hoài A2, sinh năm 1986 (vắng mặt)

4/ Nguyễn An B1, sinh năm 1997 (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp N, xã Đ, C, Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Quí, xã V, C, Tiền Giang.

2/ Đoàn Thị H, sinh năm 1948 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, C, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp V, xã V, C, Tiền Giang.

3/ Nguyễn Văn M, sinh năm 1947 (chết 18/01/2012)

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ:

+ Bà Phạm Thị S, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, C, Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Văn B1, sinh năm 1990 (chết 2018)

Địa chỉ: ấp T, xã L, C, Tiền Giang.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Phạm Thị Sáu, sinh năm 1952 (xin vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B1 Huề, xã Đ, huyện B, Bến Tre.

4/ Nguyễn Thị H4, sinh năm 1974 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh B1, xã V, C, Tiền Giang.

5/ Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đông, xã K, C, Tiền Giang.

6/ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1955 (xin vắng mặt)

7/ Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)

8/ Nguyễn Hiệp Đ2, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

9/ Nguyễn Ngọc Đ3, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)

10/ Nguyễn Thị Thuận, sinh năm 1939 (xin vắng mặt)

** Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ:*

+ Dương Văn L, sinh năm 1929 (chết)

+ Nguyễn Văn B3, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp D, xã Đ, C, Tiền Giang.

11/ Nguyễn Thị B2, sinh năm 1930 (xin vắng mặt)

12/ Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

13/ Nguyễn Văn L1, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

14/ Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1977 (chết 2012)

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ: Nguyễn Ngọc Dung, sinh năm 1955 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp D, xã Đ, C, Tiền Giang.

15/ Nguyễn Thị B5, sinh năm 1930 (xin vắng mặt)

16/ Nguyễn Văn T3, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

17/ Nguyễn Văn L2, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Tây B, xã Đ, C, Tiền Giang.

18/ Lê Thị K, sinh năm 1960 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long Thạnh A, xã L, C, Tiền Giang.

19/ Lê Văn N, sinh năm 1958 (xin vắng mặt)

20/ Lê Thị Cẩm C, sinh năm 1964 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, C, Tiền Giang.

21/ Đoàn Thị Ngọc S1, sinh năm 1963 (xin vắng mặt)

22/ Trần Thái T4, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Thới, xã Đ, C, Tiền Giang.

23/ Ủy ban nhân dân huyện C (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cá, thị trấn T, C, Tiền Giang.

** Người kháng cáo:* **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: 152, Đ, phường 9, TP. M, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

* Nguyên đơn anh T1 trình bày: ông nội anh là Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1907 chết năm 1973, bà nội anh là Trương Thị T6, sinh năm 1907 chết năm 1995. Lúc còn sống ông bà có tạo lập các phần đất sau:

- Phần đất có diện tích 3.200m^2, tọa lạc ấp Thạnh Hòa, xã L, C, Tiền Giang.

- Phần đất có diện tích 5.600m^2, tọa lạc ấp Thới, xã Đ, C, Tiền Giang. Phần đất này sau khi ông Đ chết thì bà T6 quản lý, ngày 02/9/1990 bà T6 có lập di chúc phân chia phần đất này trong đó có chia cho anh 1.000m^2. Phần đất này do anh T2 quản lý, sau đó anh T2 chuyển nhượng cho chị N và chị N đã chuyển nhượng lại cho chị H. Nay anh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất giữa chị N2 và chị H2, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị N2, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị H2 và yêu cầu nhận phần đất 1.000m^2 này (nhận hiện vật).

** Bị đơn anh T2 (khi còn sống) có trình bày:* ông Đ và bà T6 có 10 người con, cha anh tên Nguyễn Văn Bảy (chết năm 1969), cha anh có 02 người con là anh và chị N2. Năm 1964 cha mẹ anh chia tay nên anh và chị N2 sống chung với bà T6.

Đối với phần đất ruộng, tọa lạc tại ấp Thới, xã Đ, huyện C thì anh được biết, chú 10 của anh canh tác 2.000m^2, chú Một của anh canh tác 2.000m^2, anh canh tác 1.800m^2 (trong đó có 1.000m^2 đất tranh chấp). Phần đất 1.800m^2 này anh canh tác từ năm 1984, đến năm 1987 anh sang lại đất này cho chị N2, sau đó chị N2 đã chuyển nhượng lại cho chị H2. Nay anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của anh T1.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị N2 trình bày: phần đất tranh chấp có nguồn gốc của bà T6 cho anh T2, sau đó anh T2 chuyển nhượng lại cho chị nên chị không đồng ý theo yêu cầu của anh T1.

2/ Chị H2 trình bày: chị có nhận chuyển nhượng phần đất này từ chị N2, hiện nay chị đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị không đồng ý theo yêu cầu của anh T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã Áp dụng điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995. Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a phần 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phấn Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70-CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 469/21/HĐCN ngày 12/3/2002 giữa chị Nguyễn Thị N2 và chị Đoàn Thị H2.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03182, ngày 06/4/2001 của chị Nguyễn Thị N2.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03526 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/3/2002 cho hộ chị Đoàn Thị H2.
- Được nhận phần đất 1.000m^2, tọa lạc ấp Thới, xã Đ, C, Tiền Giang (trong phần đất có diện tích 2.070m^2, thuộc thửa số 1021, tờ bản đồ số 02, theo giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số 03526 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/3/2002 cho hộ chị Đoàn Thị H2).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 29/3/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo yêu cầu sửa toàn bộ bản án số 91/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn Nguyễn Văn T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà nội ông là cụ Trương Thị T6 canh tác quản lý phần đất vườn diện tích 3.200m^2, đất lúa diện tích 5.600m^2 tại ấp Thới, xã Đ, huyện C, Tiền Giang. Các phần đất trên do bà nội ông trực tiếp canh tác từ trước năm 1975 đến khi qua đời. Đến năm 1990 bà nội di chúc chia đất cho ông diện tích 1.000m^2 đất lúa; đất vườn diện tích 600m^2. Khi lập di chúc bà nội ông minh mẫn, không bị ai ép buộc, di chúc có người làm chứng và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận, nên di chúc ngày 02/9/1990 là hợp pháp. Ông yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 02/9/1990 là hợp pháp và chia thừa kế cho ông diện tích 1.000m^2 theo di chúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 không có cơ sở chấp nhận vì; Di chúc không do cụ T6 viết, mà được đánh máy. Cụ T6 chỉ ký chữ T6, không ghi họ tên, nên di chúc ngày 02/9/1990 chưa có cơ sở xác định di chúc hợp pháp bởi nhân chứng trong di chúc chỉ ký chữ "Hơn", không ghi họ tên người làm chứng, đến ngày 25/9/1990 thì Ủy ban nhân dân xã L mới chứng thực. Tại Điều 659 BLDS năm 1995 qui định " *Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc, thì có thể nhờ người khác viết, nhưng ít nhất phải có hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc*. Do đó, di chúc không hợp pháp về hình thức theo qui định Điều 659 BLDS năm 1995. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 thực hiện đúng qui định theo Điều 272 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo đúng qui định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo qui định tại Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995 là đúng qui định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ xác định phần đất tranh chấp diện tích 1.000m^2 thuộc thửa 1021 tại ấp Thới, xã Đ, huyện C, Tiền Giang có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn Đ (chết năm 1973), cụ Trương Thị T6 (chết 1995). Năm 1990 cụ T6 lập di chúc chia đất cho các con cháu, ông Nguyễn Văn T1 là cháu nội được chia 1.000m^2 đất ruộng, 600m^2 đất vườn. Phần đất vườn ông T1 đã nhận đất và chuyển nhượng cho người khác, còn 1.000m^2 đất ruộng ông T1 chưa được chia do ông Nguyễn Văn T2 đang quản lý 1.800m^2 (trong đó có 1.000m^2 phần chia cho ông T1). Năm 1984 ông T2 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N2 1.800m^2, sau đó bà N2 lại chuyển nhượng diện tích đất trên cho bà Đoàn Thị H2 và bà H2 đã được cấp GCN-QSDĐ số 03526/QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 14/3/2002. Chứng cứ chứng minh của nguyên đơn là di chúc lập ngày 02/9/1990 có chữ ký của cụ T6, phía bị đơn Nguyễn Văn T2 không đồng ý chia thừa kế đất cho ông T1 và không thừa nhận di chúc ngày 02/9/1990 của cụ T6 lập nên phát sinh tranh chấp.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995 không công nhận di chúc lập ngày 02/9/1990 là có căn cứ.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu công nhận di chúc ngày 02/9/1990 là hợp pháp và được chia thừa kế diện tích 1.000m^2 đất lúa theo di chúc, nhận thấy;

Xét di chúc lập ngày 02/9/1990 do cụ Trương Thị T6 lập.

Về hình thức di chúc: Di chúc ngày 02/9/1990 không do cụ T6 viết, mà được đánh máy. Cụ T6 chỉ ký chữ "T6", không ghi họ tên, nên di chúc ngày 02/9/1990 chưa có cơ sở xác định di chúc hợp pháp bởi nhân chứng trong di chúc chỉ ký chữ "Hơn", không ghi họ tên người làm chứng, đến ngày 25/9/1990

thì Ủy ban nhân dân xã L mới chứng thực. Theo quy định tại Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995 thì trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì phải có ít nhất hai người làm chứng. Người làm chứng xác nhận chữ ký của người lập di chúc. Như vây, di chúc ngày 02/9/1990 của cụ T6 không hợp pháp về hình thức, di chúc chỉ có một người làm chứng và người làm chứng không xác nhận chữ ký của cụ T6.

Xác định di sản: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, các đương sự thống nhất đối với phần đất vườn diện tích 3.200m^2 tại ấp Thạnh Hòa, xã L, huyện C, Tiền Giang. Phần diện tích đất các bên đương sự đã phân chia và không tranh chấp.

Đối với phần đất ruộng diện tích 5.600m^2 tại ấp Thới, xã Đ, huyện C, Tiền Giang, các đương sự khai thống nhất nguồn gốc đất của cụ Nguyễn Văn Đ, cụ Trương Thị T6. Cụ T6 đã canh tác quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến khi qua đời.

Căn cứ công văn số 13/UBND ngày 12/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ (BL168) xác định "*Qua đối chiếu phần đất trên thì hồ sơ 299 thuộc thửa 1589, diện tích 4.097m^2, loại đất lúa, do ông Đặng Văn T đứng tên. Cụ Trương Thị T6 và ông Nguyễn Văn T2 không đứng tên kê khai*". Tại biên bản ghi lời khi ngày 17/11/2014 (BL249) ông Đ Văn Trung xác định không có kê khai, quản lý canh tác phần đất này mà do bà T6 canh tác, quản lý sau đó cho lại ông T2.

Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N2 do Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thể hiện: Biên bản xét duyệt cấp đất ngày 13/3/2001 của Hội đồng đăng ký đất, có ghi nhận Nguyễn Thị N2, sinh năm 1962, xét cấp thửa 1021-2070m^2-2L, đất CQ của ông Nguyễn Văn T2.."(BL 61). Hồ sơ địa chính số 196 thì tên sử dụng đất là Nguyễn Thị N2 (BL73).

Cụ T6 và ông Nguyễn Văn T2 canh tác quản lý sử dụng đất tranh chấp nhưng không đăng ký kê khai mà đến năm 2001 bà Nguyễn Thị N2 đăng ký kê khai trên cơ sở anh T2 chuyển nhượng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp không phải là di sản của cụ T6 do cụ T6 không đăng ký kê khai và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ đúng theo qui định tại hướng dẫn mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a phần 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao "..Đất đai thuộc sỡ hữu toàn dân, quyền sử dụng đất được giao không phải là quyền sỡ hữu về tài sản của công dân nên không thể trở thành di sản khi công dân chết…"

Từ các căn cứ trên xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1 không có căn cứ nên không chấp nhận. Quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 659 Bộ luật dân sự năm 1995. Căn cứ khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a phần 1 Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phấn Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ mục 1 phần II của Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Căn cứ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 1 Điều 11 Nghị định số 70-CP ngày 12/6/1997 của Chính Phủ về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 91/2021/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 về việc yêu cầu:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 469/21/HĐCN ngày 12/3/2002 giữa chị Nguyễn Thị N2 và chị Đoàn Thị Hà.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03182, ngày 06/4/2001 của chị Nguyễn Thị N2.
- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03526 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/3/2002 cho hộ chị Đoàn Thị H2.
- Được nhận phần đất 1.000m^2, tọa lạc ấp Thới, xã Đ, C, Tiền Giang (trong phần đất có diện tích 2.070m^2, thuộc thửa số 1021, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03526 QSDĐ/ĐH do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 14/3/2002 cho hộ chị Đoàn Thị H2).

Về án phí: Ông T1 phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông T1 đã nộp 650.000 đồng tạm ứng án phí theo các biên lai thu số 019314 ngày 31/5/2005, biên lai thu số 0003159 ngày 10/9/2020, biên lai thu số 0004103 ngày 29/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như đã nộp xong án phí.

Án tuyên vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 6 năm 2022, án tuyên có mặt ông T1, đại diện Viện kiểm sát.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC.THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Diệp Thúy